TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-10-2019.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thành Nghề**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. **Ông Võ Văn Liềm**.
2. **Bà Vũ Thị Đào**.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Ông Phan Hoài Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị T - sinh năm 1994, có mặt.
Nơi cư trú: ấp D, xã V, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc T1 - sinh năm 1995. Vắng mặt.
Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Thị T như sau: Chị kết hôn với chồng là anh Trần Quốc T1 vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/4/2015. Sau khi cưới vợ chồng tôi đi làm ăn xa.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không còn phù hợp thường xuyên cãi nhau. Mặc dù cả hai đều cố gắng nhưng không thể hàn gắn tình cảm được. Anh

chị đã sống ly thân từ tháng 10/2018. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Trần Quốc T1.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng anh chị có 02 đứa con chung tên Thị Tố Th, sinh ngày 20/01/2013 và Trần Quốc A, sinh ngày 15/11/2017.

Anh chị không có tài sản chung.

Anh chị không có nợ chung.

Nguyện vọng: Về hôn nhân chị T cương quyết được ly hôn với anh Trần Quốc T1.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thị Tố Th, sinh ngày 20/01/2013 và Trần Quốc A, sinh ngày 15/11/2017 và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc T1 trình bày: Anh hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn và chung sống của vợ chồng, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên theo anh T1 thì vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn để ly hôn.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 không đồng ý ly hôn với chị Thị T vì anh còn thương vợ thương con, muốn hàn gắn gia đình.

Về con chung: Nếu chị T kiên quyết ly hôn anh T1 đồng ý giao 02 con chung là Thị Tố Th, sinh ngày 20/01/2013 và Trần Quốc A, sinh ngày 15/11/2017 cho chị T nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị T vẫn cương quyết ly hôn với anh Trần Quốc T1, chị trình bày thêm nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cự cãi, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt chời bời không lo cho gia đình. Từ lúc vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay anh T1 không quan tâm gì đến mẹ con chị. Anh T1 xin Tòa án cho thời gian để vợ chồng tự hàn gắn nhưng bản thân anh T1 vẫn không thể thay đổi nên vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện còn trong thời hiệu. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp của chị Thị T và anh Trần Quốc T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Quốc T1 là bị đơn trong vụ án được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T1.

[2]. Về hôn nhân: Chị Thị T và anh Trần Quốc T1 kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84/2015, ngày 24 tháng 4 năm 2015, như vậy hôn nhân của chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị T và anh T1 là hôn nhân tự nguyện nhưng sau một thời gian sống chung thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được, chị T cho rằng vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, anh T1 không quan tâm lo lắng gia đình mà chỉ suốt ngày nhậu nhẹt chơi bời. Tòa án đã hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng chị T cương quyết xin ly hôn với anh T1. Tòa án đã cho vợ chồng anh chị thời gian để vợ chồng anh chị tự dàn xếp và hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

[4]. Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 người con chung tên Thị Tố Th, sinh ngày 20/01/2013 và Trần Quốc A, sinh ngày 15/11/2017 hiện hai cháu vẫn đang sống chung với chị T. Chị T xin được quyền nuôi 02 con còn anh T1 cũng đồng ý giao con cho chị. Tại biên bản xác minh tại ấp D, xã V, huyện R, tỉnh Kiên Giang chính quyền địa phương cũng xác định hai cháu hiện được sống chung với mẹ phát triển tốt và được đi học đầy đủ nên áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị T.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Chị T và anh T1 đều khai anh chị không có tài sản chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Chị T và anh T1 đều khai anh chị không có nợ chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chị Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001029, ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị T.

Về hôn nhân: Xử cho chị Thị T được ly hôn với anh Trần Quốc T1.

Về con chung: Giao hai cháu Thị Tố Th, sinh ngày 20/01/2013 và Trần Quốc A, sinh ngày 15/11/2017 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh T1 thực hiện quyền này.

Anh chị có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001029, ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nghề

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.